

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2021/DS-ST

Ngày: 30 - 7 - 2021

V/v: Hợp đồng vay tài sản, mua
bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Chính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Y Mừng Niê**

2. Ông **Vũ Công Đạt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Anh** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông **Y Đum Kpă** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Hồng V**

Địa chỉ: Thôn 14, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Trương Công H**, bà **Bùi Thị B**

Địa chỉ: Thôn 11, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày đề ngày 01/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Vào ngày 30/5/2019 vợ chồng ông **Trương Công H**, bà **Bùi**

Thị B có tới nhà trình bày hoàn cảnh gia đình và vay của tôi số tiền 20 triệu đồng và hẹn tôi cuối năm 2019 sẽ trả đủ số tiền nói trên cho tôi.

Sau đó vào ngày 30/7/2019 vợ chồng ông H, bà B có mượn thêm tôi số tiền 10 triệu đồng và cùng ngày 30/7/2019 vợ chồng anh H, chị B có mua chịu của tôi 150 cây mít với giá 40.000đ/cây = 6.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ là 01 tháng sau kể từ ngày vay. Lãi suất hai bên thỏa thuận 1%/01 triệu/tháng.

Tổng số tiền gốc mà vợ chồng ông Trương Công H, bà Bùi Thị B nợ tôi là 36.000.000 đồng. Mặc dù tôi đã đến nhà ông H, bà B yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng ông H, bà B vẫn chây ì không chịu trả.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trương Công H, bà Bùi Thị B có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền nợ gốc là 36 triệu đồng và tiền nợ lãi kể từ ngày 30/7/2019 tính đến ngày 31/3/2021 là 36.000.000 đồng x 1%/tháng x 20 tháng = 7.200.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 43.200.000 đồng, đồng thời tiếp tục tính lãi kể từ ngày xét xử trên số tiền nợ gốc cho đến khi ông H, bà B trả xong nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành, tổng đạt và niêm yết hợp lệ nhiều lần, đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn vợ chồng ông Trương Công H, bà Bùi Thị B, mặc dù ông H, bà B đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh H, bà B vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc lần nào và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dung vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trương Công H, bà Bùi Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng và thủ tục tổng đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng V khởi kiện ông Trương Công H, bà Bùi Thị B về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay và vi phạm trả tiền mua bán cây giống nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn và xác minh nơi cư trú của bị đơn đúng theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng vay tài sản. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng ông Trương Công H, bà Bùi Thị B nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và không nộp văn bản trình bày ý kiến. Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H, bà B vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Trương Công H, bà Bùi Thị B có nghĩa vụ trả nợ cho bà Võ Thị Hồng V thấy rằng: Ông Trương Công H, bà Bùi Thị B có vay tiền và mua cây giống của bà Võ Thị Hồng V là có thật, bởi lẽ căn cứ vào giấy các giấy vay tiền vào ngày 30/5/2019, ngày 30/7/2019 thể hiện ông H, bà B có vay của bà V số tiền mặt 20.000.000 đồng và nợ 6.000.000 đồng tiền mua cây giống, hai bên có ghi thời hạn trả nợ là 01 tháng, ông Trương Công H, bà Bùi Thị B đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn cố tình trốn tránh và không có ý kiến phản đối nên được coi là từ bỏ quyền trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng V yêu cầu ông Trương Công H, bà Bùi Thị B có nghĩa vụ trả các khoản nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3]. Về khoản nợ gốc: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 30/5/2019 và giấy vay ngày 30/7/2019 thì tổng nợ gốc 02 lần vay và nợ tiền mua cây giống là 36.000.000 đồng (lần một: 20 triệu đồng và lần hai: 10 triệu đồng và 06 triệu đồng tiền mua cây giống) nên cần chấp nhận buộc ông Trương Công H, bà Bùi Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Hồng V số tiền nợ gốc là 36.000.000 đồng.

[4]. Về khoản nợ lãi: Hai bên có thỏa thuận về lãi suất, có thời hạn trả nợ trong hợp đồng vay nên xác định Hợp đồng vay tài sản có lãi, có kỳ hạn. Nguyên đơn yêu cầu lãi tính lãi từ ngày 30/7/2019 nhưng tính lãi chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên cần tính lại cho phù hợp với khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể tính như sau:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả đối với khoản nợ 20.000.000 đồng là $30.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} = 300.000 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả đối với khoản tiền 30.000.000 đồng là $30.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{tháng} \times 23 \text{ tháng (đến ngày 30/7/2021)} = 6.900.000 \text{ đồng}$.

- Về khoản tiền nợ cây giống tiền lãi được tính tiền lãi chậm trả trả đối với là 6.000.000 đồng x 10 %/năm x 24 tháng (từ ngày 30/7/2019 đến ngày 30/7/2021) = 1.200.000 đồng.

Tổng cộng nợ lãi là 6.900.000 đồng + 300.000 đồng + 1.200.000 đồng = 8.400.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 44.400.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 43.200.000 đồng, không vượt quá quy định của pháp luật nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trương Công H, bà Bùi Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Hồng V số tiền nợ gốc 36.000.000 đồng và nợ lãi 7.200.000 đồng, tổng cộng là 43.200.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng*) là phù hợp.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Trương Công H, bà Bùi Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 43.200.000 đồng x 5% = 2.160.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 147, khoản 2 Điều 161, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 430, 440, 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng V.

1. Buộc ông Trương Công H, bà Bùi Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Hồng V tổng số tiền nợ là 43.200.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*) và nợ lãi là 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trương Công H, bà Bùi Thị B phải chịu 2.160.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Hồng V số tiền 1.080.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0003502, ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Văn Chính

